TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2022/HNGĐ-PT Ngày: 28/10/2022 V/v : *Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn.*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

Ông Nguyễn Xuân Phách

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 5/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn" do có kháng cáo của Bị đơn đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 133/2021/HNGĐ-ST, ngày 27/9/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9732/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Anh Lý Hải Nh; sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Có mặt

2. ***Bị đơn***: Chị Đinh Thị H; sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang; hiện nay đang ở: Số nhà 166, thôn LC, thị trấn K K, huyện G N, Đài Loan. Vắng mặt

- *Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị Đinh Thị H*: Ông Đinh Văn N1; sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Có mặt

- *Người đại diện ủy quyền về vấn đề tài sản của chị H*: Ông Đinh Văn N1; sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang và bà

Đinh Thị L; sinh năm 1967; địa chỉ: tổ dân phố N T, thị trấn C, huyện L N, tỉnh Bắc Giang (Giấy ủy quyền ngày 08/10/2021). Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H*: Ông Hoàng Ngọc T– Luật sư, Chi nhánh Công ty Luật TNHH Hoàng Ngọc Hà, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Ông Trịnh Bá D; sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Hòn T, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Trần Quang K; sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn K, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt

3.3. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 405, đường G H, phường D K, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (Đại lý phân bón Thủy Hà). Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

3. 4. Anh Nguyễn Hữu H1; sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn MS, xã CĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

3.5. Anh Phạm Văn D1, Sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Chăm, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Có mặt

3.6. Anh Vi Văn H3; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn K 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Do ông Nguyễn Trường G- Giám đốc Chi nhánh L N, Bắc Giang II là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Chị Lý Thị S; sinh năm 1993; KHKTT: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Số nhà 166, thôn L C, thị trấn K K, huyện G Ng, Đài Loan. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

4.2. Anh Lý Văn H4; sinh năm 1996; ĐKHKTT: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Số 3, đường N, làng N, thị trấn Y, huyện Y, Đài Loan. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

4.3. Ông Trịnh Văn N; sinh năm 1931; địa chỉ: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

4.4. Ông Nguyễn Văn K; sinh năm: 1966; trú tại: Thôn L; xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

4.5. Bà Trịnh Thị H5; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

4.6. Ông Đinh Công Đ; sinh năm 1955. Có mặt

4.7. Bà Lý Thị T1; sinh năm 1959. Vắng mặt

4.8. Anh Đinh Thanh T2; sinh năm 1980. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

4.9. Chị Đinh Thị L2; sinh năm 1988. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh T2, chị L2 là: Ông Đinh Công Đ. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

4.10. Công ty cổ phần sản xuất thương mại T Â; địa chỉ: thôn L N, xã T D, huyện Đ A, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

5.11. Đại Lý thuốc trừ sâu H T. Vắng mặt

Địa chỉ: phố Kép, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

6.12. UBND xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Cao H- Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt

7.13. Uỷ ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo ủy quyền: ông Mai Văn D - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L N đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt

8. Người kháng cáo: Bị đơn chị Đinh Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và các bản khai tiếp theo nguyên đơn là anh Lý Hải Nh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đinh Thị H kết hôn ngày 20/10/1991, trên cơ sở hoàn toàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn chị H có về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình anh một năm sau đó ra ở riêng tại khu Cầu Thông do bố mẹ anh làm cho nhà xây cay. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2005 chị H đã đi xuất khẩu lao động nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và quan tâm đến nhau. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến cuối năm 2017 thì chị H có bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian và đi lao động tại Đài Loan, sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn liên lạc điện thoại để hỏi thăm con với nhau nhưng từ tháng 4/2018 anh và chị H không liên lạc với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lý Như S, sinh năm 1993 và cháu Lý Văn H4, sinh 1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản: Anh không đề nghị chia tài sản nhưng chị H có đơn yêu cầu anh đề nghị được tự hoà giải nếu không được thì chị H đề nghị chia anh cũng đồng ý. Cụ thể đối với yêu cầu chia của chị H:

1. Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện L N cấp ngày 01/11/2002, địa chỉ tại Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang diện tích thửa đất tổng là 604m^2 gồm 400m^2 đất thổ cư và 204m^2 đất vườn và tài sản gắn liền trên đất hiện có nhà 03 tầng xây kiên cố công trình phụ kép kín diện tích sàn mỗi tầng là 80m^2, tổng diện tích là 240m^2; có 1 nhà kho diện tích 144m^2 xây tường cay xỉ lợp mái tôn ngoài ra không có tài sản nào khác.

Chị H trình bày theo sổ cấp giấy chứng nhận là 604m^2 nhưng thực tế đo chỉ khoảng 400m^2 đất thổ cư. Về nguồn gốc đất chị H trình bày 1993 là do bố mẹ anh cho một phần diện tích đất khoảng 130m^2 là không đúng mà là hơn 250m^2, sau đó vợ chồng mua thêm đất ruộng là 150m^2. Năm 2011 anh xây nhà trên đất đến năm 2014 mới hoàn thiện, chị H cũng gửi tiền về làm nhà nhưng qua chị gái và anh có nhận 700 triệu đồng, chị H trình bày trong đó có 100 triệu đồng của con gái là không đúng vì anh chỉ nhận số tiền qua chị gái chị H là chị Đinh Thị L. Chị H đề nghị chia đôi đất và phần tài sản trên đất là nhà 3 tầng giao cho anh thì anh không đồng ý. Quan điểm của anh là anh không đồng ý chia vì đây là tài sản riêng của anh bố mẹ anh cho anh. Trường hợp phân chia đề nghị trừ lại cho anh phần đất bố mẹ cho.

Các con anh không có công sức đóng góp gì.

Thửa đất trên vợ chồng anh đã bán một phần có chiều dài mặt đường là 6m cho chị gái bà Lý Thị T1 và anh rể là ông Đinh Công Đ, nhưng chưa đi tách sổ để trả cho ông Đán, bà T1. Nay giữa anh và ông Đán bà T1 không có tranh chấp gì về hợp đồng chuyển nhượng này.

2. Quyền sử dụng đất P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên hộ ông Lý Văn N. Địa chỉ thửa đất tại Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Tổng diện tích là 1272m^2 trong đó có sổ thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở đồng Đầm diện tích 720m^2 đất trồng lúa, thửa 586 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 384m2 đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm, diện tích 587m2 đất trồng lúa. Quan điểm của anh là không đồng ý với yêu cầu chia của chị H vì khi anh mua diện tích đất này chị H không có ở nhà. Mọi công sức tôn tạo là của anh, cây cối trên đất thì anh là người trồng.

3. Diện tích đất 288m^2 tại xứ Đồng Đầm, Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Trên diện tích đất này hiện nay có 50 cây cam.

Các con anh chị không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất này.

4. Diện tích đất 846m^2 tại xứ Đồng Đầm, Thôn L, xã Hồng Giang, L N, Bắc Giang. Trên diện tích đất này hiện nay có 170 cây cam. Các con không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất này.

Đối với diện tích đất 1272m^2 và 288m^2 và 846m^2 hiện tại nằm cùng một khuôn viên. Anh đồng ý với ý kiến của chị H về diện tích đất và tài sản trên đất.

Vì diện tích đất này đã gộp vào nhau anh không đồng ý chia hai thửa đất vườn cho chị H vì khi anh nhận chuyển nhượng thì chị H không ở nhà.

5. Diện tích đất trồng cây lâu năm 3439m^2 tại Cầu Thông, Thôn L, xã Hồng Giang, L N; và trên đất có 500 cây bưởi đã trồng được 5 năm tuổi. Công sức của hai vợ chồng. Nguồn gốc đất này năm 1992 hai vợ chồng tự khai hoang mà có, diện tích này chưa được cấp quyền sử dụng đất (hiện nay vợ chồng anh đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Các con anh không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất này. Chị H đề nghị lấy diện tích đất này anh không đồng ý. Đối với các công sức trồng cây trên đất do anh trồng toàn bộ. Trước đây trồng vải đến năm 2012 chị H đi nước ngoài thì anh ở nhà chặt đi và trồng cam và bưởi giống cây do anh đi vay nên anh không đồng ý với yêu cầu của chị H.

Các con anh không có công sức đóng góp gì đối với các tài sản này .

- Về công nợ: Anh xác định vợ chồng có các khoản nợ chung sau và đề nghị giải quyết:

1. Nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện L N: 200.000.000đồng.

2. Nợ Công ty phân bón T Â, Hà Nội: 110.000.000đồng.

3. Nợ Đại lý Thủy Hà kế Bắc Giang: 190.000.000đồng

4. Nợ Đại lý phân bón (Diện) Nam Dương, L N: 40.000.000đồng.

5. Nợ Đại lý thuốc sâu (Huế), Lục Nam: 25.700.000đồng

6. Nợ ông Phạm Văn D1: 50.000.000đồng.

7. Nợ ông Vi Văn H3: 100.000.000đồng.

8. Nợ anh Lý Văn Hoàng: 50.000.000đồng.

9. Nợ ông Trần Quang K: 16.320.000đồng.

Tổng số nợ là: 972.020.000đồng. Một số khoản tiền anh vay để phát triển kinh tế gia đình, trả nợ. Một số khoản nợ của các đại lý là do anh và chị H có kinh doanh mặt hàng phân bón nên có nợ lại của các đại lý. Anh yêu cầu chị H phải cùng chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ này.

**** Tại bản tự khai và các bản khai tiếp theo bị đơn là chị Đinh Thị H trình bày:*** Anh Lý Hải Nh xin ly hôn chị, chị đang lao động tại Đài Loan, đến ngày 15/02/2020 chị về nước và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như anh N trình bày là đúng. Từ năm 2005 chị đi xuất khẩu lao động nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và quan tâm đến nhau. Năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2017 thì chị có bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và năm 2017 thì chị tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, sau

khi sang nước ngoài vợ chồng vẫn liên lạc điện thoại để hỏi thăm về các con với nhau nhưng từ tháng 4/2018 anh N đưa người phụ nữ khác về chung sống tại nhà của vợ chồng nên chị không liên lạc với anh N nữa. Nay anh N xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lý Như S, sinh năm 1993 và cháu Lý Văn H4, sinh năm 1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

- Tài sản chung: chị đề nghị giải quyết chia các tài sản cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N; địa chỉ tại Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang diện tích thửa đất tổng là 604m^2 gồm 400m^2 đất thổ cư và 204m^2 đất vườn. Trị giá đất ở là 520.000.000đ và tài sản trên đất hiện có nhà 03 tầng xây kiên cố, diện tích 80m^2 trị giá là 500 triệu đồng. Phía sau sổ đỏ đã đính chính thông tin tên đệm và năm sinh của ông Lý Văn N chính là ông Lý Hải Nh. Tài sản này do vợ chồng chị cùng tạo dựng nên trong quá trình chung sống đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ mang tên ông Lý Văn N (đại diện cho hộ).

2. Quyền sử dụng đất P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên hộ ông Lý Văn N. Địa chỉ thửa đất tại Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Tổng diện tích là 1272m^2 trong đó có sổ thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở đồng Đầm diện tích 720m^2 đất trồng lúa, thửa 586 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 384m^2 đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm, diện tích 587m^2 đất trồng lúa. Tổng giá trị là 141.192.000đ. Tài sản này do vợ chồng chị cũng tạo dựng nên trong quá trình chung sống đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ mang tên ông Lý Văn N (đại diện cho hộ).

3. Diện tích đất 288m^2 tại xứ Đồng Đầm, Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang có giá trị 31.968.000 đồng. Năm 2011 vợ chồng chị nhận chuyển nhượng đất này của ông Trịnh Văn N2, diện tích đất này chưa làm thủ tục cấp GCN QSDĐ. Hiện tại trên đất gia đình chị đang canh tác trồng cây cam canh trong đó có tiền vốn của hai vợ chồng chị và các con.

4. Diện tích đất 846m^2 tại xứ Đồng Đầm, Thôn L, xã Hồng Giang, L N, Bắc Giang, có giá trị 93.906.000 đồng. Năm 2014 vợ chồng chị nhận chuyển nhượng đất này của ông Nguyễn Văn K. Diện tích đất này chưa làm thủ tục cấp GCN QSDĐ. Hiện tại trên đất gia đình chị đang canh tác trồng cây cam canh trong đó có tiền vốn của hai vợ chồng chị và các con.

Tổng số cây trồng trên hai diện tích đất 288m^2 và 846m^2 nhận chuyển nhượng trên là 220 cây cam canh đã trồng được 04 năm (Vợ chồng chị đã gộp hai thửa vào thành một để trồng cam). Giá cây trồng 200.000 đồng/ cây, tổng số 220 cây cam x 200.000 đồng/cây = 44.000.000đ

5. Diện tích đất 3439m^2 tại Cầu Thông, Thôn L, xã H G, huyện L N có giá trị giá đất 45.000 đồng/m^2. Tổng trị giá 3439m2x45.000đồng/m^2 = 154.755.000 đồng và tài sản trên đất có 500 cây bưởi diễn trồng được 5 năm có giá 200.000đ/ cây = 100.000.000 đồng. Diện tích đất này do vợ chồng chị cùng khai hoang từ khoảng năm 1991 khi mới về chung sống với nhau.

Hiện tại, vợ chồng chị đang làm thủ tục cấp GCNQSDĐ với diện tích đất này nên chưa cung cấp được giấy tờ kèm theo.

Do chị và anh N không thể thỏa thuận, không tìm được tiếng nói chung trong việc chia số tài sản chung nên chị đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn chia cho chị số tài sản sau:

- Thứ nhất: chia cho chị 320m^2 đất trong tổng số 400m^2 đất thổ cư đã làm nhà 80m^2 trong Quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N; địa chỉ tại Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Trị giá phần đất yêu cầu chia 320m^2 x 1.300.000đ/m^2 =416.000.000đồng.

- Thứ hai, chia cho chị toàn bộ diện tích 1272 đất vườn trong quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên hộ ông Lý Văn N. Địa chỉ thửa đất tại Thôn L, xã Hồng Giang, L N, tỉnh Bắc Giang. Trị giá phần đất yêu cầu chia này là 1272m^2 x111.000 đồng/m^2 =141.192.000đồng.

- Thứ ba, chia cho chị diện tích đất 3439 m^2 tại cầu Thông, Thôn L. Hồng Giang giá đất 45.000đ/m2. Tổng trị giá 3439m^2 x 45.000 đồng+ 154.755.000đồng. Trên đất này có 500 cây bưởi đã trồng được 5 năm. Giá cây bưởi diễn 200.000đ/ cây= 100.000.000đ.

Những tài sản khác do anh Lý Hải Nh quản lý sử dụng. Chị muốn được chia đất và tài sản trên đất ở trên, không quy đổi ra tiền để nhận.

Việc vợ chồng chị có bán một phần đất cho ông Đán bà T1 đề nghị trả lại ông Đán, bà T1. Chị không có ý kiến gì.

- Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị S trình bày:**

Bố chị là ông Lý Hải Nh đã có đơn đề nghị giải quyết ly hôn với mẹ chị là bà Đinh Thị H nhưng không đề nghị phân chia tài sản cho chị. Vậy chị đề nghị khi giải quyết ly hôn cho bố mẹ chị thì xem xét và phân chia tài sản cho chị. Chị cũng đóng góp công sức lao động cùng gia đình.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn H4 trình bày:***

Đề nghị khi giải quyết ly hôn cho bố mẹ anh thì xem xét và phân chia tài sản cho anh và đất ở vì anh đã có gia đình riêng và 01 con nhỏ.

Các đơn đề nghị của chị Lý Thị S và Lý Văn H4 đề ngày 14/02/2020 do chị Đinh Thị H giao nộp cho Tòa án. Chị Sâm và anh Hảo hiện đang lao động

tại Đài Loan do chị H có đơn đề nghị chia tài sản nên Sâm và anh Hảo có đơn nộp đề nghị chia công sức, đơn này do chị H cầm từ Đài Loan về ngày 15/02/2020 lý do là chị H nghỉ phép về Việt Nam giải quyết ly hôn với anh Lý Hải Nh. Do các con chị cùng lao động tại Đài Loan nên các con chị nhờ chị nộp cho Toà án.

Ngày 02/4/2021 chị Sâm, anh Hảo có văn bản gửi từ nước ngoài về và xác định tài sản là của bố mẹ, để bố mẹ tự giải quyết, anh chị không có yêu cầu gì. Đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn N2 trình bày:*** Gia đình ông có thửa đất thuộc xứ đồng Đầm với diện tích là 288m^2 do không có nhu cầu canh tác nên đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho chị Đinh Thị H là người cùng thôn kể từ ngày 20/10/2014. Gia đình ông đã thống nhất viết giấy chuyển nhượng, ông không có ý kiến gì đối với thửa đất mà ông đã bán cho chị H. Ông xin được vắng mặt các buổi Tòa án làm việc công khai chứng cứ hòa giải và tại các phiên tòa.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K, bà Trịnh Thị H5 trình bày:*** Gia đình ông, bà có thửa đất thuộc xứ đồng Đầm với diện tích là 846m^2 do không có nhu cầu canh tác nên gia đình ông, bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài thửa đất này cho gia đình anh Lý Hải Nh và chị Đinh Thị H là người cùng thôn kể từ ngày 27/5/2014. Gia đình ông, bà đã thống nhất viết giấy chuyển nhượng thửa đất này ông, bà không có ý kiến gì đối với việc đã bán đất cho gia đình anh N, chị H. Ông, bà xin vắng mặt các buổi tòa án làm việc công khai chứng cứ hòa giải và tại các phiên tòa.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công Đ; Bà Lý Thị T1, Anh Đinh Thanh T2, Chị Đinh Thị L2 (bà T1, anh T2, chị L2 ủy quyền cho ông Đinh Công Đ) thống nhất trình bày***: Năm 1996 gia đình ông Đán có mua của vợ chồng anh Lý Hải Nh, chị Đinh Thị H một thửa đất liền kề nhà anh N để làm nhà ở cho gia đình (diện tích có giấy mua bán chuyển nhượng kèm theo được chính quyền Thôn L xác nhận ngày 05/9/1996) có ghi rõ 04 phía của thửa đất, gia đình ông, bà đã xây dựng nhà ở lên trên đất này. Theo giấy thỏa thuận mua bán ngày 04/9/1996 chiều dài mặt đường là 6 mét, phía nam giáp gia đình ông Hiển, phía đông giáp ruộng thôn trong, phía bắc giáp đất anh N, phía tây giáp đường 13B, gia đình ông mua lại của anh N theo giấy người bán với số tiền là 9.350.000đ hai bên thỏa thuận và được chính quyền thôn công nhận. Ngày 06/9/2011 anh N có mua đất của làng trong phía sau nhà để cho vuông đất nhà anh N có diện tích là 11.7m^2 lấn sang phía sau nhà ông. Vậy đề nghị Tòa án xem xét thực tế hiện trạng giúp gia đình ông được chuyển toàn bộ diện tích đất trên từ diện tích sổ đỏ nhà anh Lý Hải Nh sang cho hộ gia đình ông.

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

- Ông Trịnh Bá D trình bày:

Từ ngày 05/02/2017 (âm lịch) đến ngày 22/6/2017 (âm lịch) ông bán hàng cho anh N với tổng số tiền là 91.030.000đ. Khi ông bán phân bón cho gia đình anh N chị H thì ông bán cho cả hai vợ chồng anh N chị H, khi đó chị H chưa đi nước ngoài. Đến ngày 11/8/2017 thì ông và anh N tính toán lại sổ sách và chốt nợ là 76.655.000đ. Sau đó anh N cũng trả được một số lần, nhưng không trả hết, lần cuối là ngày 15/02/2020. Nay ông đề nghị Tòa án buộc anh N trả cho ông số tiền còn thiếu là 36.655.000đ và tính lãi xuất 0.85%/ năm. Vậy số tiền lãi của số nợ gốc còn thiếu từ ngày 15/02/2020 đến 30/11/2020 là: 9 tháng là 0,85%x 36.655.000đ = 2.800.000đ. Tổng số tiền gia đình anh N còn nợ ông là 39.455.000đ. Ông không yêu cầu tính lãi nữa.

- Ông Trần Quang K trình bày:

Ngày 09/6/2017 ông có bán cho anh Lý Hải Nh và chị Đinh Thị H phân bón để chăm sóc cây trồng. Khi đó chị H vẫn ở nhà và chưa đi lao động tại nước ngoài. Số tiền ông bán phân bón cho anh N, chị H có giá trị là 21.105.000đ. Ngày 23/6/2017 thì chị H có trả ông 9.000.000 đồng, số tiền còn lại anh N chị H nợ ông là 12.105.000đ. Số tiền lãi tính từ tháng 7/2017 đến tháng 11/2020 là 41 tháng, lãi xuất 0.85% = 4.216.000đ. Tổng số tiền anh chị Như Huân nợ ông là: 16.320.000đ. Nay ông yêu cầu cả vợ chồng anh N và chị H phải trả cho ông số tiền trên. Ông không đề nghị tính lãi tiếp.

**** Anh Nguyễn Văn T (Đại lý phân bón T H) trình bày*:**

Đại lý phân bón Thủy Hà cho anh Lý Hải Nh lấy hàng phân bón từ tháng 12/2017 đến tháng 02/2020. Số tiền anh N còn nợ đại lý Hà Thủy tính đến ngày 04/11/2020 gốc là 199.525.000đ, số tiền lãi của số nợ gốc là 35.600.000đ (lãi suất 2%). Anh đã đến nhà anh N đòi nợ tiền hàng thì anh N khất nợ đến 30/6/2020 (âm lịch) trả anh, nhưng sau đó lại không trả. Do anh đến nhà đòi nhiều lần thì, anh N thỏa thuận với anh là cho anh N nợ và tính lãi theo lãi xuất ngân hàng từ tháng 01/2020 đến tháng 9/2020, sau đó ông và anh N đã chốt nợ còn lại là 190.000.000đồng. Nay anh Lý Hải Nh và chị Đinh Thị H giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thì anh yêu cầu anh N phải trả cho anh số tiền 190.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi nữa.

**** Anh Nguyễn Hữu H1 trình bày***: Tính tại thời điểm hiện nay anh N còn nợ Đại lý của anh số tiền 25.700.000đ. Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không đề nghị tính lãi nữa.

**** Anh Phạm Văn D1 trình bày***: Năm 2019 anh có cho anh N vay số tiền 50.000.000đông (Năm mươi triệu đồng), khi vay anh N nói vay mục đích để trả nợ tiền phân bón chăm sóc cây cối của vợ chồng anh N, không thỏa thuận lãi suất. Do anh là anh rể của anh N và là anh em trong gia đình nên không viết giấy tờ vay mượn gì.

Nay anh N và chị H ly hôn, anh N có kê ra khoản nợ của anh, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này và buộc cả vợ chồng anh N, chị H phải trả cho anh số tiền 50.000.000đồng trên. Không yêu cầu anh N, chị H phải trả lãi suất. Số tiền anh cho anh N vay là tiền của cá nhân anh, không liên quan gì đến vợ anh.

**** Anh Vi Văn H3 trình bày*:** Ngày 03/10/2020 anh có cho anh N vay số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), anh N vay với mục đích để đầu tư chăm bón vườn cây ăn quả, không thỏa thỏa thuận lãi suất. Khi anh N vay tiền thì chị H đang đi lao động nước ngoài, không có nhà. Anh N vay tiền anh thì anh N và anh không thông báo gì cho chị H biết vì trước đó anh N cũng vay anh nhiều lần, sau đó anh N lại trả ngay. Nay anh N và chị H ly hôn, anh N có kê ra khoản nợ của anh, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này và buộc cả vợ chồng anh N, chị H phải trả cho anh số tiền 100.000.000đồng trên. Không yêu cầu anh N, chị H phải trả lãi suất. Số tiền anh cho anh N vay là tiền của cá nhân anh, không liên quan gì đến vợ anh.

**** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là ông Nguyễn Trường Giang trình bày***: Ông Lý Hải Nh có vay Agribank chi nhánh huyện L N Bắc Giang II số tiền 200.000.000đ theo HĐTD số 2504LAV20170818 ngày 01/3/2017 đến hạn ngày 17/4/2021. Agribank chi nhánh huyện L N Bắc Giang II đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án yêu cầu buộc anh Nvà bà Huân phải trả nợ ngân hàng, phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay còn nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 832.877 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 16/10/2020 đến khi thi hành án dân sự xong. Trong trường hợp các bên không tự thỏa thuận được việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ chung của vợ chồng nên phải xử lý tài sản thế chấp để phân chia thì Tòa án xác định phần nghĩa vụ trả nợ ngân hàng để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần sản xuất thương mại T Â trình bày:*** Năm 2017 Công ty cổ phần sản xuất Thương Mại T Â có ký hợp đồng mua bán các loại phân bón với anh Lý Hải Nh. Tính đến ngày 28/01/2019, anh N còn nợ của Công ty T Â số tiền là 268.021.000đồng tiền phân bón. Ngoài ra, anh Ncòn nợ khoản tiền 11.000.000đồng theo biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 28/01/2019. Tổng số tiền 279.021.000đồng.

Tòa án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng Công ty cổ phần sản xuất thương mại T Â có văn bản rút yêu cầu khởi kiện. Xác định giữa Công ty và anh N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không nộp tiền tạm ứng án phí. Anh N cũng xác định số tiền nợ với Công ty, anh và Công ty T Â sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại Lý thuốc trừ sâu H T***: Tòa án đã triệu tập nhiều lần lên làm việc nhưng đương sự không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Anh N cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án nữa.

**** Uỷ ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang do ông Mai Văn D- Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L N đại diện theo ủy quyền trình bày***:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự cung cấp GCN quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên ông Lý Văn N. Diện tích 604m^2 (trong đó gồm 400m^2 đất thổ cư và 204m^2 đất vườn). Thực tế, đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 của TAND tỉnh Bắc Giang thửa đất này có tổng diện tích là 417m^2.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W082567 cho ông Lý Văn N của UBND huyện L N được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 1442/1999/TTLT-TCĐC-BTC ngày 21/9/1999 của Tổng cục Địa chính – Bộ Tài chính hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 01/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chưa được cấp GCN QSD đất thì tự kê khai QSDĐ và tự chịu trách nhiệm về diện tích đất của mình đang sử dụng. Do đó, có một số trường hợp các chủ sử dụng đất chỉ ước lượng độ dài, rộng của thửa đất mình đang sử dụng, chứ không đo đạc thực tế dẫn tới có sự sai lệch về hình thể và diện tích. Thửa đất của ông Lý Văn N (Lý Hải Nh) là một trong những trường hợp như vậy.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp cho hộ ông Lý Văn N tại Quyết định số 257/QĐ-UB ngày 25/6/1999 có diện tích là 1272m^2, đã được cấp đổi theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính (thửa số 44, tờ bản đồ số 9) tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 với diện tích là 2403,9m^2, số vào sổ cấp GCN CH03108, số Seri CR 813339. Hiện tại GCN QSD đất số P669160 ông Lý Văn N đang thế chấp tại Ngân hàng, chưa lấy về để làm thủ tục đổi GCN QSDĐ mới (GCN số CR 813339).

Thửa đất trên (thửa số 44, tờ bản đồ số 9) nằm trong quy hoạch đất có mặt nước chuyên dùng (MNC) theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 (tỉ lệ 1/10.000); thửa đất hiện tại do anh Nđang sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Quan điểm của UBND huyện L N đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tại diện tích đất trồng cây lâu năm 3439m^2 tại Cầu Thông, Thôn L: Theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính xã H G thì thửa đất hiện tại anh N đang sử dụng là thửa số 269, tờ 5 có diện tích là 5439,1m^2. Thực tế đo đạc hiện trạng của Tòa án ngày 26/8/2020 là 4919,6m^2 (cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn

không có tài liệu xác định thửa đất có diện tích là 3439m^2). Thửa đất này có nguồn gốc do anh Ntự khai phá từ năm 1992. Đối chiếu quy hoạch sử dụng đất của huyện L N đến năm 2020 thì thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5, xã Hồng Giang nằm trong quy hoạch đất ở tại nông thôn. Hiện tại anh Nđang sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Quan điểm của UBND huyện L N đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** UBND xã H G, huyện L N có quan điểm trình bày*:**

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W082567 do UBND huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên ông Lý Văn N. Diện tích 604m^2 (trong đó gồm 400m^2 đất thổ cư và 204m^2 đất vườn). Quan điểm của UBND xã Hồng Giang: Xác định diện tích theo hiện trạng sử dụng đất.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp cho hộ ông Lý Văn N tại Quyết định số 257/QĐ-UB ngày 25/6/1999 có diện tích là 1272m^2, đã được cấp đổi theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính (thửa số 44, tờ bản đồ số 9) tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 với diện tích là 2403,9m^2, số vào sổ cấp GCN CH03108, số Seri CR 813339. Hiện tại GCN QSD đất số P669160 ông Lý Văn N đang thế chấp tại Ngân hàng, chưa lấy về để làm thủ tục đổi GCN QSDĐ mới (GCN số CR 813339). Quan điểm của UBND xã Hồng Giang đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm tại khu Cầu Thông, Thôn L: Theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính xã Hồng Giang thì thửa đất hiện tại anh Nđang sử dụng là thửa số 269, tờ 5 có diện tích là 5439,1m^2. Thực tế đo đạc hiện trạng của Tòa án ngày 26/8/2020 là 4919,6m^2. Quan điểm của UBND xã Hồng Giang đối với việc đương sự đề nghị phân chia thửa đất này: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2020, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ngày 17/9/2021 Hội đồng định giá đã tiến hành định giá lại đối với thửa đất ở và thẩm định, định giá lại đối với toàn bộ tài sản trên đất của hai thửa đất vườn. Sau khi có kết quả định giá lại các đương sự không có ý kiến gì về kết quả thẩm định, định giá.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 133/2021/HNGĐ-ST, ngày: 27/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang căn cứ vào Điều 33; Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 60; Điều 62; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 163; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 26,

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lý Hải Nh được ly hôn với chị Đinh Thị H.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Đinh Thị H. Xác nhận anh Lý Hải Nh và chị Đinh Thị H có các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải Nh tại trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 là 417m^2, nhưng trừ đi phần diện tích 81.8m^2 đất đã chuyển nhượng cho ông Đán, bà T1 và 63,8m^2 đất của hộ bà Lý Thị T1 mua thêm đất nông nghiệp, thửa đất còn lại diện tích là 271,4m^2. Tài sản trên đất bao gồm: 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011; 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012; 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

+ Quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/199 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m^2 trong đó có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đầm diện tích 720m^2 đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 587m^2 đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất nông nghiệp 228m^2 và 846m^2 sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m^2. Các tài sản trên đất bao gồm: 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m; 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

+ Thửa số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m^2 đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, Thôn L, xã H G, huyện L N, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có các tài sản: 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m; 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 2.844.452.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 6.963.207.562đồng trừ nợ chung 521.624.589đồng còn 6.441.582.973đồng.

2.1. Giao cho anh Lý Hải Nh quản lý, sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải Nh tại trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m^2, nhưng trừ đi phần diện tích 81.8m^2 đất đã chuyển nhượng cho ông Đán, bà T1 và 63,8m^2 đất của hộ bà Lý Thị T1 mua thêm đất nông nghiệp, thửa đất còn lại

diện tích là 271,4m^2. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*). Giá trị thửa đất 2.171.200.000đồng. Tài sản trên đất, gồm:

- 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011 có giá: 517.651.000đ

- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011 có giá: 1.273.000đ

- 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 có giá: 161.562đ

- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012 có giá: 2.087.000đ.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

+ Quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m^2 trong đó có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đầm diện tích 720m^2 đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 587m^2 đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất nông nghiệp 228m^2 và 846m^2 sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m^2. Giá trị thửa đất là 528.858.000đồng. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*). Các tài sản trên đất:

- 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m giá trị 849.600.000đồng.

- 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm giá trị 47.925.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung anh N được nhận là 4.118.755.562đồng.

Anh N được nhận số tiền 183.639.705đồng (Một trăm tám ba triệu sáu trăm ba chín nghìn bẩy trăm linh lăm đồng) chênh lệch do chị H trả.

2.2. Giao cho chị Đinh Thị H quản lý, sử dụng và sở hữu thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m^2 đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, Thôn L, xã H G, huyện L N, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị là 1.082.312.000đồng. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*). Các tài sản trên đất:

- 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m trị giá 1.1.123.200.000đồng.

- 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm trị giá 638.940.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung chị H được nhận là: 2.844.452.000đồng.

2.3. Buộc chị Đinh Thị H phải có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền là 183.639.705đồng (Một trăm tám ba triệu sáu trăm ba chín nghìn bẩy trăm linh lăm đồng).

3. Anh N, chị H có quyền chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được giao.

4. Về công nợ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Lý Hải Nh phải có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

- Trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 200.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2021 là

50.149.589đồng, theo hợp đồng tín dụng số 2504LAV201700818 ngày 01/3/2017.

- Trả ông Trịnh Bá D số tiền 39.455.000đồng.
- Trả ông Trần Quang K số tiền 16.320.000đồng.
- Trả anh Nguyễn Hữu H1 số tiền 25.700.000đồng.
- Trả anh Nguyễn Văn T số tiền 190.000.000đồng.
- Trả anh Phạm Văn D1 số tiền 50.000.000đồng.
- Trả anh Vi Văn H3 số tiền 100.000.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/10/2021 bị đơn chị Đinh Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 133/2021/HNGĐ-ST ngày 27/9/2021. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc phân chia tài sản để đảm bảo lợi ích của chị Đinh Thị H.

Ngày 02/6/2021 chị Đinh Thị H có đơn kháng cáo bổ sung, về tài sản là quyền sử dụng đất yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phải chia cho cả hai con là Lý Thị S và Lý Văn H4. Về hôn nhân, đề nghị bác đơn xin ly hôn của nguyên đơn Lý Hải Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn kháng cáo vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của Bị đơn có ý kiến:

Về tài sản: Đề nghị được chia tài sản chung vợ chồng cho chị H trị giá 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Trong đó, yêu cầu được chia quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m^2. Trong đó: có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đầm diện tích 720m^2 đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 587m^2 đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất nông nghiệp 228m^2 và 846m^2 sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m^2. Giá trị thửa đất là 528.858.000đồng. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*) và sở hữu các tài sản trên đất, gồm:

- 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m giá trị 849.600.000đồng.
- 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm giá trị 47.925.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

Giá trị tài sản còn lại yêu cầu anh N thanh toán bằng tiền là 973.617.000đ (Chín trăm bẩy mươi ba triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

* Đề nghị chia cho anh N các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải Nh tại trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m^2, nhưng trừ đi phần diện tích 81.8m^2 đất đã chuyển nhượng cho ông Đán, bà T1 và 63,8m^2 đất của hộ bà Lý Thị T1 mua thêm đất nông nghiệp, thửa đất còn lại diện tích là 271,4m^2. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*). Giá trị thửa đất 2.171.200.000đồng. Tài sản trên đất, gồm:

- 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011 có giá: 517.651.000đ

- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011 có giá: 1.273.000đ

- 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 có giá: 161.562đ

- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012 có giá: 2.087.000đ.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

+ Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m^2 đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, Thôn L, xã H G, huyện L N, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị là 1.082.312.000đồng. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*). Các tài sản trên đất:

- 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m trị giá 1.123.200.000đồng.

- 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm trị giá 638.940.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.844.452.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung anh N được nhận bằng hiện vật là: 5.536.824562 đồng.

* Đồng ý với các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã quyết định.

Nguyên đơn Lý Hải Nh có ý kiến: Đồng ý với các ý kiến trên của đại diện theo ủy quyền của chị H. Ngoài ra, đề nghị được thu hoạch hoa lợi, quả cam, bưởi trên diện tích đất chia cho chị H đến trước 01/02/2023, rồi bàn giao tài sản cho chị H.

Đại diện theo ủy quyền của chị H đồng ý để anh N được thu hoạch hoa lợi, quả cam, bưởi trên diện tích đất chia cho chị H đến trước 01/02/2023, rồi bàn giao tài sản cho chị H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đồng ý với nội dung thỏa thuận nêu trên của đại diện theo ủy quyền của Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ theo quy định, một số người có ủy quyền và người đại diện có mặt tại phiên tòa, một số người có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Chị Đinh Thị H đang ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Ngày 07/10/2021 tống đạt hợp lệ Bản án cho anh Đinh Văn N1 người đại diện nhận văn bản tố tụng theo ủy quyền của chị H. Ngày 13/10/2021 bị đơn chị Đinh Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 133/2021/HNGĐ-ST ngày 27/9/2021. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc phân chia tài sản để đảm bảo lợi ích của chị Đinh Thị H. Xét thấy, Đơn kháng cáo của chị H đảm bảo thời hạn, hình thức, nội dung được xem xét theo thủ tục phúc thẩm

[3] Ngày 02/6/2021 chị Đinh Thị H có đơn kháng cáo bổ sung, về tài sản là quyền sử dụng đất yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phải chia cho cả hai con là Lý Thị S và Lý Văn H4. Về hôn nhân, đề nghị bác đơn xin ly hôn của nguyên đơn Lý Hải Nh. Xét thấy, chị Lý Thị S và anh Lý Văn H4 không có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung của chị H không nằm trong thời hạn quy định và nội dung kháng cáo vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu nên không được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, quan hệ hôn nhân, Bản án sơ thẩm quyết định cho anh Lý Hải Nh được ly hôn với chị Đinh Thị H. Nội dung này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn chị Đinh Thị H. Chị H cho rằng tổng tài sản chung vợ chồng có giá trị 6.963.207.562đ. Bản án sơ thẩm chia cho anh Lý Hải Nh 4.118.755.562đ, chia cho chị H 2.844.452.000đ. Như vậy, anh N được chia nhiều hơn chị H 1.274.303.562đ, trong khi công nợ cùng chịu chia đôi là không phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

[6] Các đương sự thống nhất về số lượng tài sản, loại tài sản và giá trị tài sản chung vợ chồng theo bản án sơ thẩm xác định là 6.963.207.562đ – 521.624.589 đồng (Công nợ chung) = 6.441.582.973 đồng.

[7] Về chia tài sản chung của vợ chồng 6.441.582.973 đồng: Chia cho chị H giá trị tài sản là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), anh N được chia 4.041.582.973đ (Bốn tỷ không trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm bẩy mươi ba đồng). Cụ thể:

[8] **Chia cho anh Lý Hải Nh được quyền sử dụng, quyền sở hữu các tài sản gồm:**

[9] 1. Quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải Nh tại trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m^2, nhưng trừ đi phần diện tích 81.8m^2 đất đã chuyển nhượng cho ông Đán, bà T1 và 63,8m^2 đất của hộ bà Lý Thị T1 mua thêm đất nông nghiệp, thửa đất còn lại diện tích là 271,4m^2. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*). Giá trị thửa đất 2.171.200.000đồng. Tài sản trên đất, gồm:

- 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011 có giá: 517.651.000đ
- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011 có giá: 1.273.000đ
- 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 có giá: 161.562đ
- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012 có giá: 2.087.000đ.

Giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

[10] 2. Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m^2 đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, Thôn L, xã H G, huyện L N, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị là 1.082.312.000đồng. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*). Các tài sản trên đất:

- 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m trị giá 1.123.200.000đồng.
- 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm trị giá 638.940.000đồng.

Giá trị đất và tài sản trên đất là 2.844.452.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung anh N được nhận bằng hiện vật là: 5.536.824.562 đồng. Giá trị tài sản anh N được chia là 4.041.582.973 đồng. Chênh lệch là 1.495.241.589 đồng, nên anh N phải có trách nhiệm thanh toán nợ 521.624.589 đồng và phần chênh lệch cho chị H 973.617.000 đồng.

[11] 3. Anh N được quyền thu hoa lợi, quả cam, bưởi tại thửa đất chia cho chị H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do

UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 2.403,9m^2.

[12] 4. Anh Lý Hải Nh có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền cho chị H là 973.617.000đ (Chín trăm bẩy mươi ba triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

[13] **Chia cho chị Đinh Thị H quyền sử dụng đất** đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m^2. Trong đó: có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đầm diện tích 720m^2 đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 587m^2 đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất nông nghiệp 228m^2 và 846m^2 sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m^2. Giá trị thửa đất là 528.858.000 đồng và sở hữu các tài sản trên đất, gồm:

- 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m giá trị 849.600.000đồng.

- 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm giá trị 47.925.000đồng.

Giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

(*Có sơ đồ các thửa đất kèm theo*)

[14] Các đương sự đồng ý với các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã quyết định.

[15] Hội đồng xét xử xét thấy nội dung các đương sự tự nguyện thỏa thuận nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng quyền lợi của người thứ ba. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[16] Án phí dân sự sơ thẩm: Giá trị tài sản chị Đinh Thị H và anh Lý Hải Nh được chia theo thỏa thuận không thay đổi so với quyết định của bản án sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

[17] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điều 300, khoản 2 Điều 308; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, khoản 5 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án

* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 133/2021/HNGĐ-ST, ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, như sau:

1. Về chia tài sản chung của vợ chồng 6.441.582.973 đồng: Chia cho chị Đinh Thị H giá trị tài sản là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Anh Lý Hải Nh được chia 4.041.582.973đ (Bốn tỷ không trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm bẩy mươi ba đồng). Cụ thể như sau:

1.1. Chia cho anh Lý Hải Nh được quyền sử dụng, quyền sở hữu các tài sản gồm:

1.1.1. Quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W082567 do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/11/2002 mang tên hộ ông Lý Văn N (được đính chính là Lý Hải Nh tại trang 4), diện tích đo đạc hiện trạng ngày 26/8/2020 có tổng diện tích là 417m^2, nhưng trừ đi phần diện tích 81.8m^2 đất đã chuyển nhượng cho ông Đán, bà T1 và 63,8m^2 đất của hộ bà Lý Thị T1 mua thêm đất nông nghiệp, thửa đất còn lại diện tích là 271,4m^2. Giá trị thửa đất 2.171.200.000đồng. Tài sản trên đất, gồm:

- 01 nhà 03 tầng cấp 3 loại 2 xây năm 2011 có giá: 517.651.000đ

- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2011 có giá: 1.273.000đ

- 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012 có giá: 161.562đ

- 01 nhà bán mái lợp tôn xây năm 2012 có giá: 2.087.000đ.

Giá trị đất và tài sản trên đất là 2.692.372.562đồng.

1.1.2. Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5 diện tích 4919,6m^2 đất trồng cây lâu năm tại Cầu Thông, Thôn L, xã H G, huyện L N, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị là 1.082.312.000đồng. Các tài sản trên đất:

- 624 cây cam đường kính tán 2,5-3m trị giá 1.123.200.000đồng.

- 276 cây bưởi đường kính gốc 9-12 cm trị giá 638.940.000đồng.

Giá trị đất và tài sản trên đất là 2.844.452.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung anh N được nhận bằng hiện vật là: 5.536.824.562 đồng.

1.2. Chia cho chị Đinh Thị H quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 1272m^2. Trong đó: có số thửa 585 tờ bản đồ số 2, ở Đồng Đầm diện tích 720m^2 đất trồng lúa, thửa 587 tờ bản đồ số 2 ở Đồng Đầm diện tích 587m^2 đất trồng lúa. Địa chỉ hai thửa đất đều ở Thôn L, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất nông nghiệp 228m^2 và 846m^2 sau khi hợp thửa có diện tích là 2403.9m^2. Giá trị thửa đất là 528.858.000đồng và sở hữu các tài sản trên đất, gồm:

- 590 cây cam đường kính tán 2-2.5m giá trị 849.600.000đồng.

- 27 cây bưởi đường kính gốc 7-9cm giá trị 47.925.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.426.383.000đồng.

1.3. Anh Lý Hải Nh được quyền thu hoạch hoa lợi, quả cam, bưởi tại thửa đất chia cho chị H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P669160 do UBND huyện L N cấp ngày 25/6/1999 mang tên ông Lý Văn N, tổng diện tích là 2.403,9m^2 đến trước ngày 01/02/2023, để bàn giao đất cho chị Đinh Thị H.

1.4. Anh Lý Hải Nh có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền cho chị Đinh Thị H là 973.617.000đ (Chín trăm bẩy mươi ba triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

1.5. Anh N, chị H có quyền chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia theo quy định. (*Có sơ đồ các thửa đất kèm theo*).

2. Về chi phí tố tụng khác: Buộc chị Đinh Thị H và anh Lý Hải Nh mỗi người phải chịu 11.553.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị H đã nộp xong sản. Buộc anh Lý Hải Nh phải trả cho chị Đinh Thị H số tiền 11.553.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản chị H đã nộp.

3. Về lãi suất chậm thi hành án:

− Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Án phí sơ thẩm:

- Buộc anh Lý Hải Nh phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 112.041.582đ (Một trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi hai đồng) án phí chia tài sản chung đối với giá trị tài sản được nhận; 13.040.614đ (Mười ba triệu không trăm bốn mươi nghìn sáu trăm mười bốn đồng) án phí đối với nghĩa vụ trả nợ chung và 7.500.000đ (Bẩy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ trả nợ riêng. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000498 ngày 02/12.2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Anh N còn phải nộp tiếp số tiền 132.582.196đ (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

- Buộc chị Đinh Thị H phải chịu 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trích chia tài sản chung được nhận; 13.040.614đ (Mười ba triệu không trăm bốn mươi nghìn sáu trăm mười bốn đồng) đối với nghĩa vụ về nợ chung. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 20.300.000đ (Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai số

AA/2018/0000591 ngày 03/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 72.740.614đ (Bảy mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn sáu trăm mười bốn đồng).

5. Án phí phúc thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000142 ngày 22/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hoa